

Số: *MS*/KLV1-NV2
V/v dự báo khí tượng bảo vệ rừng và
sản xuất lâm nghiệp

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

Chi cục Kiểm lâm các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng.

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỜI TIẾT

Theo dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn Quốc gia, thời tiết từ ngày 30/5 - 05/6/2023 cụ thể như sau:

1. Nhiệt độ

- Các tỉnh phía tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình:

+ Cao nhất: 42,0 °C;

+ Thấp nhất: 22,2 °C.

- Các tỉnh phía đông Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình:

+ Cao nhất: 34,9 °C;

+ Thấp nhất: 26,6 °C.

2. Độ ẩm

Độ ẩm trung bình 7 ngày trong tuần của các tỉnh trong vùng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ (trung bình từ 44,3 % - 82,7 %).

3. Mưa

Hầu hết các khu vực trong vùng, những ngày đầu tuần đều không mưa. Những ngày giữa và cuối tuần các khu vực trong vùng đa số đều có mưa.

II. DỰ BÁO BẢO VỆ RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

1. Dự báo phòng cháy, chữa cháy rừng

Trong tuần một số khu vực trong vùng như: Tuần Giáo (Điện Biên); Mường La, (Sơn La); TP Lào Cai, Bảo Yên (Lào Cai); Mù Cang Chải (Yên Bái); Bắc Kạn; Tân Sơn (Phú Thọ); Bảo Lạc (Cao Bằng); Đình Lập (Lạng Sơn); Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) cấp dự báo cháy rừng từ cấp IV (Cấp nguy hiểm, nguy cơ cháy rừng cao, nếu xảy ra cháy, lửa dễ lan nhanh) đến Cấp V (Cấp cực kỳ nguy hiểm, nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan tràn nhanh trên tất cả các loại rừng).

Chi tiết Cấp dự báo PCCCR cho từng khu vực

STT	TỈNH	KHU VỰC	Cấp dự báo PCCCR từ ngày 30/5/2023 - 05/6/2023						
			Ngày 30	Ngày 31	Ngày 01	Ngày 02	Ngày 03	Ngày 04	Ngày 05
1	Lai Châu	Mường Tè	III	IV	IV	I	I	I	I
2		Sìn Hồ	I	II	II	III	I	I	I
3		TP. Lai Châu	II	III	III	I	I	I	I
4		Than Uyên	III	III	IV	IV	IV	I	I
5	Điện Biên	Mường Lay	III	IV	V	I	I	I	I
6		Tuần Giáo	III	IV	V	V	I	I	I
7		Pha Đin	I	II	III	III	I	I	I
8		TP Điện Biên Phủ	II	III	IV	I	I	II	I
9	Sơn La	Quỳnh Nhai	II	III	III	I	I	II	I
10		Mường La	V	V	V	I	II	I	I
11		TP. Sơn La	II	III	III	I	I	I	I
12		Sông Mã	III	IV	IV	I	I	II	I
13		Cò Nòi	III	III	IV	IV	IV	I	I
14		Yên Châu	III	III	IV	IV	IV	I	I
15		Bắc Yên	II	II	III	III	IV	IV	I
16		Phù Yên	II	III	III	IV	IV	IV	I
17		Mộc Châu	II	II	III	III	III	III	IV
18	Lào Cai	TP. Lào Cai	II	IV	V	V	V	V	I
19		Bắc Hà	II	II	III	I	I	I	I
20		Sa Pa	I	I	I	II	II	II	I
21		Bảo Yên	V	V	V	I	I	II	I
22	Yên Bái	Mù Cang Chải	V	V	V	V	V	V	V
23		TP. Yên Bái	V	V	V	I	I	I	I
24		Văn Chấn	I	II	II	III	III	III	III
25		Lục Yên	V	V	V	I	I	I	I
26	Hà Giang	TP. Hà Giang, Vị Xuyên	II	III	IV	I	I	I	I
27		Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc	II	III	IV	I	I	I	I
28		Hoàng Su Phì, Xín Mần	I	I	II	I	I	I	I
29		Bắc Mê	III	III	IV	I	I	I	I
30		Bắc Quang, Quang Bình	III	IV	IV	I	I	I	I
31	Tuyên Quang	TP. Tuyên Quang	III	III	III	I	I	I	I
32		Hàm Yên	V	V	V	I	I	I	I
33		Chiêm Hóa	III	IV	IV	I	I	I	I
34	Bắc Kạn	Ba Bể	V	V	V	V	I	I	I
35		Ngân Sơn, Pác Nặm, Na Rì.	V	V	V	V	I	I	I

36	Bắc Kạn	TP. Bắc Kạn, Chợ Đồn, Bạch Thông, Chợ Mới.	V	V	V	V	I	I	I
37	Thái Nguyên	TP. Thái Nguyên	III	III	III	I	I	I	I
38		Định Hóa	II	III	III	I	I	I	I
39	Phú Thọ	Tân Sơn	III	III	III	IV	IV	IV	I
40		Phù Ninh	III	III	IV	I	I	I	I
41		TP. Việt Trì	III	III	III	I	I	I	I
42	Vĩnh Phúc	TP. Vĩnh Yên	III	III	IV	I	I	I	I
43		Tam Đảo	I	I	II	I	I	I	I
44	Cao Bằng	TP. Cao Bằng	III	IV	IV	I	I	I	I
45		Bảo Lạc	V	V	V	V	I	II	I
46		Nguyên Bình	III	III	IV	I	I	I	I
47		Trùng Khánh	II	III	III	I	I	I	I
48	Lạng Sơn	Thất Khê	II	III	IV	IV	I	I	I
49		TP. Lạng Sơn	II	III	III	IV	I	I	II
50		Mẫu Sơn	I	II	III	III	I	I	I
51		Bắc Sơn	III	III	III	IV	I	I	I
52		Hữu Lũng	III	III	IV	IV	I	I	II
53		Đình Lập	II	III	III	IV	IV	IV	IV
54		TP. Móng Cái	II	II	II	III	III	III	III
55	Quảng Ninh	Quảng Hà	I	I	II	II	III	III	III
56		Tiên Yên	II	II	III	III	III	III	IV
57		Cô Tô	II	II	II	III	III	III	III
58		TP. Cẩm phả	I	I	II	II	II	III	III
59		TP. Hạ Long	II	II	II	III	III	III	III
60		TP. Uông Bí	II	III	III	III	III	IV	IV
61	Bắc Giang	Hiệp Hòa	II	II	III	I	I	I	I
62		Lục Ngạn	III	III	IV	IV	I	II	I
63		Sơn Động	I	II	II	I	I	I	I
64		TP. Bắc Giang	II	III	III	III	I	I	I
65	Bắc Ninh	Bắc Ninh	II	III	III	I	I	I	I
66	Hải Phòng	Kiến An	I	II	II	III	III	III	III
67		Đồ Sơn	I	I	II	II	III	III	III
68		Bạch Long Vĩ	IV	IV	IV	IV	IV	IV	IV
69	Hải Dương	Hải Dương	II	III	III	I	I	II	III

Đề nghị lực lượng Kiểm lâm, Chủ rừng và các lực lượng chức năng liên quan ở địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác trực phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật; Văn bản số 123/BNN-

TCLN- ngày 09/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật, cháy rừng; Công điện số 441/CĐ-TTg ngày 22/5/2023 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng; Văn bản số 16/KL-QLR ngày 17/5/2023 của Cục Kiểm lâm về việc tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Dự báo sản xuất Lâm nghiệp

- Thu hái hạt các loài cây: Keo lá tràm, Keo tai tượng, Xà cừ; theo dõi quá trình chín quả Bạch đàn trắng để có kế hoạch thu hái;
- Chăm sóc rừng non mới trồng;
- Bảo dưỡng đường băng cản lửa cơ giới.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Chi cục Kiểm lâm Vùng I;
- Cục Kiểm lâm (b/c);
- Lưu VT, NV2.

CHI CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Triển